

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Bà Lý Thị Đào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 05 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐ-ST, ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1979(Có mặt)

* ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

* Con chung trên 7 tuổi: Cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh ngày 06/7/2007.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/04/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày:*** Vào năm 2006 bà và ông T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cũng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2011 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau vì vậy vợ chồng đã ly thân từ đó tới nay. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được vì bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông T. Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn

Thị Ngọc Q, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh ngày 6/7/2007 hiện nay đang sống với bà N. Nay về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung không có, về nợ chung không nợ ai tài sản gì.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án sau đó bị đơn có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn T theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Văn T không phải là vợ chồng. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh ngày 6/7/2007 cho bà N được quyền nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về hôn nhân:*

Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng ông bà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi đám cưới thì vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc nhưng từ năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không hàn gắn lại được. Vì vậy bà N mới yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông T không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông T và bà N không có đăng ký kết hôn và nay xảy ra tranh chấp thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định “Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Ngoài ra theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 của luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, 16 của luật này”*.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc N là đúng qui định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống ông T và bà N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh ngày 6/7/2007 hiện nay đang sống với bà N. Nay về con chung bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Q và cháu Q1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu Q và cháu Q1 đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ, từ trước đến nay các cháu đã sống chung với bà N, ông T không quan tâm đến hai con chung. Do đó để đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cần tiếp tục để hai cháu được sống chung với mẹ nên HĐXX cần giao cháu Q và cháu Q1 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi là phù hợp. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông T.

- *Về tài sản chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về nợ chung*: Ông T và bà N không nợ ai tài sản gì nên không đặt ra xem xét.

- Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội** thì bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc N không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Q1, sinh ngày 6/7/2007 đến đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông T không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008222, ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải